

Bản án số: **11/2021/DS-ST**

Ngày: 08 - 9 - 2021

“V/v Tranh chấp về giao dịch mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI, TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Thu Hà**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Giang** và bà **Đinh Thanh Hoàn**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thu Trang**, Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái tham gia phiên tòa: Ông **Cao Đức Hùng**, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 53/2020/TLST-DS ngày 18/12/2020, về việc *“Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐ-DSST ngày 20 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐ-DSST ngày 20 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Đinh Văn H**, sinh năm 1975; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 10, xã S, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; Chỗ ở hiện nay: Thôn 8, xã H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

- Bị đơn: Bà **Lưu Thị B**, sinh năm 1966; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu T, phường N, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Chị **Đỗ Thị H**, sinh năm: 1989; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: phố Lê Văn T, phường T, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt, có lý do.

2. Chị **Hoàng Thị K**, sinh năm: 1978; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã C, huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Chỗ ở: khu 7, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt, có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2020 đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 29/11/2020, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của nguyên đơn anh **Đinh Văn H** thể hiện:*

Đầu năm 2019, gia đình anh có nhu cầu nuôi trồng thủy sản, qua sự giới thiệu của chị K ở Cẩm Phả anh được biết về chị H, sinh năm: 1976 ở T lấy chồng ở Đ, Trung Quốc có nguồn cung cấp cá giống. Chị H giới thiệu bà Lưu Thị B là dì của chị H, địa chỉ khu T, phường N, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh để tiện cho việc thanh toán. Từ đó, anh, chị H và bà B đặt vấn đề mua bán cá song, thỏa thuận giá, thanh toán vào tài khoản của bà Lưu Thị B, nhưng không có ký kết hợp đồng mà chỉ thỏa thuận miệng với nhau. Trong năm 2019, chị H và bà B đã 3 - 4 lần vận chuyển cá bằng xe tải nhỏ cho anh về Hạ Long, Quảng Ninh. Lần đầu từ 3 vạn đến 4 vạn đến 5 vạn con, anh đã ứng tiền vào tài khoản cho bà B tại Ngân hàng Agribank chi nhánh Quảng Ninh từ 200.000.000đ đến 300.000.000đ. Năm 2019, hai bên đã thực hiện xong việc mua bán không có tranh chấp gì.

Tháng 5/2020 anh có nhu cầu mua cá giống nên đã liên hệ với bà B và chuyển tiền hai lần vào tài khoản 8090205184497 của bà B tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, lần 01 là ngày 08/5/2020 chuyển số tiền 190.000.000đ (một trăm chín mươi triệu đồng), ngày 20/5/2020, bà B nói là chưa đủ tiền phải chuyển thêm nên ngày 22/5/2020 anh đã chuyển tiếp số tiền 203.000.000đ (hai trăm linh ba triệu đồng) vào tài khoản nêu trên cho bà B, tổng số tiền hai lần chuyển là 393.000.000đ (ba trăm chín mươi ba triệu đồng).

Tại đơn khởi kiện, anh H yêu cầu Tòa án buộc bà Lưu Thị B phải trả số tiền gốc là 393.000.000đ (ba trăm chín mươi ba triệu đồng) và số tiền lãi tạm tính đến ngày 18/09/2020 là 10.316.250đ (mười triệu ba trăm mười sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng). Tại biên bản hòa giải ngày 06/4/2021, anh H yêu cầu Tòa án buộc bà Lưu Thị B phải hoàn trả cho anh số tiền đã chuyển, tổng số 393.000.000đ (ba trăm chín mươi ba triệu đồng), lãi suất là 9%/năm. Tại biên bản hòa giải ngày 08/6/2021, anh H yêu cầu Tòa án buộc bà Lưu Thị B phải hoàn trả cho anh số tiền đã chuyển, tổng số 393.000.000đ, không yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi tạm tính đến ngày 18/09/2020 là 10.316.250đ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có quan điểm: giữ nguyên nội dung đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nhưng anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lưu Thị B phải hoàn trả cho anh số tiền đã chuyển, tổng số tiền 390.000.000đ (không yêu cầu bà B trả 3.000.000đ chi phí điện thoại), không yêu cầu bà B phải trả tiền lãi từ khi nhận tiền đến nay, mà chỉ tính tiền lãi từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thanh toán xong số tiền trên.

* Bị đơn bà Lưu Thị B có quan điểm trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa thể hiện:

Tại bản tự khai ngày 29/12/2020, bản tường trình ngày 05/01/2021, lời khai trong các biên bản làm việc trong quá trình giải quyết của bà Lưu Thị B đều thể hiện: Bà và anh H không liên quan đến mua bán hàng hóa, bà không phải chủ hàng. Bà quen biết anh H thông qua Hà Thị H là cháu của bà. H có nhờ tài khoản của bà để chuyển tiền hàng. Bà và anh H không có thỏa thuận về buôn bán cá, việc thỏa thuận mua bán cá là giữa H và cháu bà là Hà Thị H ở bên Đ, Trung Quốc (hiện nay đã chết). Do H ở bên Trung Quốc không sang Việt Nam nhận được tiền mặt và H cũng không sang Trung Quốc để giao tiền cho H nên H nhờ bà nhận tiền từ anh Hiệp. Anh H đã chuyển tiền cho bà 02 lần. Lần 1, ngày 08/5/2020, anh H

chuyển số tiền 190.000.000đ. Lần 2, ngày 22/5/2020, anh H chuyển số tiền 203.000.000đ. Ngoài 02 lần nhận tiền này thì bà không nhận tiền lần nào của anh Hiệp. Sau khi nhận số tiền của anh H bà đã nhờ tài khoản của Đỗ Thị H để chuyển số tiền đó sang cho chị Hà Thị H. Bà đã nhận đủ số tiền 393.000.000đ từ anh H mà chị H nhờ bà nhận hộ và bà đã chuyển đủ số tiền sang cho chị H. Còn việc chị H đã giao cá cho anh H chưa thì bà không biết. Nay anh H yêu cầu bà phải trả số tiền đã chuyển thì bà không đồng ý vì số tiền trên bà chỉ nhận hộ chị H và đã chuyển hết cho chị H.

Những tài liệu liên quan đến số tiền mà anh H chuyển khoản cho bà thì bà khẳng định đã nộp lại toàn bộ cho Tòa án. Bà không có tài liệu nào chứng minh việc chị H nhờ bà nhận tiền từ anh H cũng như anh H nhờ bà chuyển số tiền đã nhận cho chị H vì đều là gọi trực tiếp hoặc tin nhắn thoại của các ứng dụng. Bà cũng biết chị H và anh H có giao dịch mua bán cá giống với nhau nhưng bà không tham gia vào việc mua bán mà chỉ giúp chị H nhận tiền của anh H rồi chuyển lại cho chị H. Tài liệu do bà cung cấp cho Tòa án thể hiện tại tờ thứ 08 và tờ thứ 14 là phô tô từ sổ ghi chép cá nhân của bà để theo dõi việc nhận và chuyển tiền của những người nhờ bà chuyển tiền.

Đối với tài liệu trong hồ sơ thể hiện nội dung phô tô từ sổ ghi chép của bà Lưu Thị B, bà B có giải thích về nội dung ghi chép như sau: Đây là nội dung ghi liên quan đến năm 2020, trong đó thể hiện: ngày 08/5/2020 H chuyển 190.000.000đ sau đó bà đã chuyển sang tài khoản của P; ngày 22/5 H chuyển ngân hàng Nông nghiệp 2003.000 là H chuyển cho bà số tiền 203.000.000đ (hai trăm linh ba triệu đồng). Sau đó bà có trừ tiền điện thoại và BHYT của H còn 200.800.000đ (hai trăm triệu tám trăm nghìn đồng). Tiếp theo, bà chuyển tài khoản của P bằng cách quy đổi ra tiền Trung Quốc. P là con đẻ của H nhưng mang quốc tịch Trung Quốc, bà cũng không nhớ họ tên đầy đủ của P, bà không có giấy tờ gì chứng minh P là con đẻ của H để cung cấp cho Tòa án. Tại phiên tòa, bà B khẳng định không còn tài liệu gì cung cấp cho Tòa án.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết, bà B trình bày có mối quan hệ với người tên là Hà Thị H là con của chị gái nhận, cư trú tại thôn Làng Nhội, xã Đông Hải, huyện T, tỉnh Quảng Ninh.

Trên cơ sở đó, Tòa án tiến hành thu thập thông tin tại nơi cư trú của chị Hà Thị H thể hiện tại Văn bản số 92/UBND “V/v trả lời xác minh hộ tịch”, ngày 19/4/2021 của UBND xã Đông Hải, huyện T, tỉnh Quảng Ninh xác định: Ngày 25/8/2020, gia đình nhận được tin báo chị H đã bị bệnh và chết tại thành phố Đ, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Do Covid-19 gia đình không sang được và cũng chưa nhận được giấy khai tử của chị H.

Tại phiên tòa, bà B cung cấp thêm tài liệu chụp từ điện thoại có thể hiện chữ nước ngoài và tin nhắn không dấu, theo bà B tài liệu đó thể hiện ngày 12/5/2020 có nội dung liên quan đến việc chị H có ý kiến về việc anh H yêu cầu trả tiền, mặc dù vậy, tài liệu này không có xác nhận của cấp có thẩm quyền. Bà B tiếp tục giữ nguyên quan điểm không đồng ý trả tiền cho anh Hiệp.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thu thập lời khai của những người làm chứng đối với vụ án, cụ thể:

Chị Đỗ Thị H có bản tự khai thể hiện: Trong đầu năm 2020 bà B có nhờ chuyển tiền vào tài khoản của chị vài lần nhưng chị không nhớ thời gian, số tiền và chuyển cho ai với mục đích gì, chị cũng không lấy phí dịch vụ.

Tại biên bản đối chất ngày 02/4/2021 giữa bà B và chị Hoa thể hiện: Trong tháng 5/2020, bà B đã vài lần nhờ chị Hoa chuyển tiền sang số tài khoản Trung Quốc nhưng chị Hoa cho rằng chị cũng đi nhờ người khác chuyển tiền, chị không nhớ đã nhờ ai. Bà B thừa nhận chị Hoa đã thực hiện xong việc chuyển tiền mà bà đã nhờ, cả hai bên đều thừa nhận không thu phí dịch vụ, không nói nguồn gốc và mục đích chuyển tiền.

Chị Hoàng Thị K có lời khai thể hiện phù hợp lời khai của anh H về mối quan hệ giữa chị với anh Hiệp, chị H và bà B. Chị K cũng cho rằng chị H đã chết bên Trung Quốc.

Sao kê (Sổ phụ) tài khoản số 8090205184497 Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Chi nhánh Đông Quảng Ninh của khách hàng Lưu Thị B, thời gian 01 (một) năm, từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019, thể hiện: trong năm 2019, anh Đinh Văn H có 10 lần chuyển tiền vào tài khoản của bà Lưu Thị B, phù hợp với lời khai của anh H trong quá trình giải quyết về thời điểm có giao dịch với bà Lưu Thị B. Ngoài ra, tài liệu này còn thể hiện: tài khoản của bà B còn nhận tiền của nhiều người khác có số tiền giao dịch lớn, trong đó có nhiều giao dịch thể hiện nội dung liên quan đến “cá”: Ngày 24/05/2019: dat coc ca, số tiền: 50.000.000đ; Ngày 27/05/2019: Hanh tra tien ca, số tiền: 300.000.000đ; Ngày 27/05/2019: Tra tien ca, số tiền: 92.000.000đ; Ngày 27/05/2019: dat coc ca, số tiền: 100.000.000đ; Ngày 03/06/2019: Hanh dat coc tra tien ca, số tiền: 300.000.000đ; Ngày 23/07/2019: DAT TIEN CA GIONG, số tiền: 50.000.000đ; Ngoài ra, còn có giao dịch chuyển khoản đến tài khoản bà B có giá trị lớn mà không ghi nội dung.

Đối với tài liệu này bà B có quan điểm xác định do bà là người trung gian nên những người chuyển tiền ghi nội dung gì bà không quan tâm vì bà không phải là người buôn bán hàng hóa mà chỉ nhận giúp chị H. Khi bà nhận được tiền thì bà đều chuyển đi theo tài khoản mà chị H chỉ định. Bà cũng không biết địa chỉ, thông tin cá nhân của những người đã gửi tiền cho bà. Bà cũng biết chị H và những người đó có giao dịch mua bán cá giống với nhau nhưng bà không tham gia vào việc mua bán mà chỉ giúp chị H nhận tiền của họ rồi chuyển lại cho chị H. Do có mối quan hệ gần như ruột thịt nên bà ủng hộ công việc của chị H, hơn nữa thời gian đó bà mới đi viện về nên bà bớt chút thời gian để giúp chị H mà hoàn toàn không tính chi phí hay lợi ích gì.

*Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã cung cấp các chứng cứ cho Tòa án gồm: Sổ hộ khẩu (bản sao); Giấy chứng minh nhân dân (bản sao); Chứng từ giao dịch (02 bản có xác nhận của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam); Văn bản số 521/TB-CQĐT ngày 06/8/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thị xã Quảng Yên (bản sao); Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí (bản chính).

Bị đơn cung cấp tài liệu: Sổ hộ khẩu và giấy chứng minh nhân dân cấp cho Lưu Thị B (đối chiếu bản chính); Giấy chứng minh nhân dân cấp cho Hà Thị H (bản phô tô); Sao kê (Sổ phụ) có dấu xác nhận của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Tên khách hàng: Lưu Thị B ngày phát sinh trước 31/03/2020 - số dư cuối ngày 30/6/2020) + Thông tin chuyển tiền (14 trang có chữ); Bản tường trình (bản chính); Bản phô tô bản chụp từ điện thoại;

Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ trong quá trình giải quyết: Văn bản số 92/UBND “V/v trả lời xác minh hộ tịch”, ngày 19/4/2021 của UBND xã Đông Hải, huyện T, tỉnh Quảng Ninh; Sao kê tài khoản số 8090205184497 Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Chi nhánh Đông Quảng Ninh của khách hàng Lưu Thị B, thời gian 02 (hai) năm, từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2020.

Nội dung nguyên đơn và bị đơn thống nhất: Xác định số tiền nguyên đơn đã chuyển khoản cho bị đơn là 393.000.000đ.

Nội dung nguyên đơn và bị đơn không thống nhất: Mục đích chuyển tiền. Nguyên đơn cho rằng, mục đích để giao dịch mua bán cá giống, bị đơn cho rằng mục đích là nhờ bị đơn chuyển cho người có tên là Hà Thị H.

Do đó, các đương sự không thống nhất được việc giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật; xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng, việc lập hồ sơ, thu thập chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật; đảm bảo đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, tiến hành mở phiên tòa sơ thẩm được thực hiện đúng, đầy đủ, đảm bảo các quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

- Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ: Điều 424; Điều 425 và Điều 427 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Lưu Thị B phải thực hiện nghĩa vụ trả cho anh Đinh Văn H số tiền 390.000.000đ (ba trăm chín mươi triệu đồng).

Bà B còn phải có trách nhiệm đối với số tiền chậm trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và căn cứ vào kết quả tranh tụng, hỏi tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

1.1. *Xác định quan hệ tranh chấp*: Trên cơ sở đơn khởi kiện của người khởi kiện, Tòa án đã thụ lý vụ án “Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản”. Tuy nhiên, nội dung vụ án thể hiện quan hệ giữa nguyên đơn và bị đơn trên cơ sở giao dịch về mua bán tài sản là cá giống, trong giao dịch này nguyên đơn đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán tiền còn bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ giao tài sản, nhưng các đương sự đều thống nhất được số tiền mà nguyên đơn đã chuyển khoản cho bị đơn là 393.000.000 đồng trên cơ sở chứng từ giao dịch của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Tòa án nhận thấy giữa nguyên đơn và bị đơn đã phát sinh quan hệ quan hệ tranh chấp dân sự về việc “Tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự” quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS, cần xác định lại trích yếu của quan hệ này là “Tranh chấp về giao dịch mua bán tài sản”.

1.2. *Về xác định thẩm quyền giải quyết*: Bị đơn có nơi cư trú tại tổ 5, khu Thượng Trung, phường N, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh nên thuộc thẩm quyền của giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

1.3. *Xác định thời hiệu*: Căn cứ các chứng từ giao dịch ngày 08/5/2020 và ngày 22/5/2020 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam xác định đây là tài liệu ghi nhận nghĩa vụ thanh toán tiền trong giao dịch về mua bán tài sản. Anh H đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng bà B không thực hiện nghĩa vụ giao tài sản cho anh Hiệp, do đó anh H có quyền làm đơn khởi kiện ra Tòa án là đảm bảo thời hiệu theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự (BLDS).

1.4. *Xác định tư cách tham gia tố tụng*: Nguyên đơn là anh Đinh Văn H; bị đơn là bà Lưu Thị B theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 BLTTDS.

1.5. *Về thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải*: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp để các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đảm bảo theo quy định.

1.6. *Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ đối với các đương sự*: Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt họp lệ đối với các đương sự, nguyên đơn và bị đơn đã cơ bản chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

2.1. Về mục đích và giá trị của giao dịch:

Quá trình giải quyết, nguyên đơn anh Đinh Văn H cho rằng, anh đã chuyển số tiền 393.000.000đ cho bà Lưu Thị B mục đích để mua cá giống từ bà B. Bị đơn bà Lưu Thị B thừa nhận đã nhận số tiền nêu trên nhưng cho rằng, bà chỉ là người trung gian nhận tiền giúp cho chị Hà Thị H là cháu bà để H bán cá giống cho anh Hiệp. Nguyên đơn cung cấp tài liệu của ngân hàng thể hiện đã chuyển khoản vào tài khoản của bà B, phù hợp với tài liệu sao kê mà Tòa án thu thập.

Ngoài ra, trên cơ sở tài liệu thu thập được, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Tài liệu sao kê tài khoản của bà B năm 2019 thể hiện anh H có 10 lần chuyển tiền cho bà B phù hợp với lời khai của anh H về việc có giao dịch cá giống với bà B từ năm 2019. Ngoài ra, tài khoản của bà B còn rất nhiều lần nhận tiền từ các tài khoản khác có nội dung liên quan đến “cá giống”. Trong khi tại bản tự khai của bà B khẳng định “ngoài 02 lần chuyển khoản của anh Đinh Văn H tôi không nhận thêm lần tiền nào nữa”

- Lời khai của chị Hoa và biên bản đối chất giữa bà B với chị Hoa đều thể hiện, chị Hoa có thực hiện việc chuyển tiền cho bà B nhưng bà B không nói cho chị Hoa mục đích chuyển tiền, chị Hoa chỉ chuyển giúp bà B 02 lần trong năm 2020, chị cũng không nhớ thông tin người nhận tiền vì chị cũng chỉ đi nhờ người khác chuyển giúp, ngoài ra, chị không chuyển giúp bà B lần nào.

- Lời khai của chị K thể hiện phù hợp lời khai của anh H về mối quan hệ giữa anh Hiệp, bà B, chị H và chị K. Chị K cũng không tham gia vào giao dịch mua bán hàng hóa giữa anh H và chị H.

- Bà B cho rằng sau khi nhận tiền của anh H thì bà chuyển cho chị Hà Thị H là cháu bà. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ về chị H nhưng địa phương nơi chị H đăng ký hộ khẩu thường trú căn cứ thông tin từ gia đình chị H xác định chị H thường xuyên sinh sống tại Đ, Trung Quốc và hiện nay chị H đã chết. Đồng thời, tài liệu phô tô từ sổ ghi chép do bà B cung cấp không thể hiện thông tin người nhận là chị H mà người có tên là P. Theo bà B, P là con trai chị H, nhưng bà không chứng minh được việc H ủy quyền cho bà nhận tiền từ anh Hiệp, cũng không chứng minh được việc bà đã chuyển tiền cho Hường, hoặc bà hoặc chị H có mối quan hệ với người đã nhận tiền tên là P. Bà B không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh bà đã thực hiện chuyển số tiền nhận từ anh H cho người khác như nội dung bà đã trình bày.

Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 351 Bộ luật Dân sự, bà B phải có trách nhiệm trả cho anh H số tiền mà anh H đã chuyển khoản cho bà B trên cơ sở thông tin chuyển tiền ngày 08/5/2020 là 190.000.000đ và ngày 22/5/2020 là 203.000.000đ.

Trong trường hợp bà B cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà là đúng sự thật thì bà có quyền yêu cầu giải quyết bằng vụ án dân sự độc lập khác.

2.2. Về tiền lãi và thời hạn tính tiền lãi:

Đối với yêu cầu của anh H buộc bà Lưu Thị B phải có trách nhiệm trả tiền lãi trên số tiền 390.000.000đ, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại đơn khởi kiện, anh H yêu cầu bà B phải trả số tiền lãi tạm tính đến ngày 18/9/2020 là 10.316.250đ.

Tuy nhiên, tại văn bản thể hiện quan điểm giải quyết ghi ngày 20/8/2021 của nguyên đơn gửi đến Tòa án ngày 30/8/2021, thể hiện: Anh H không yêu cầu bà B phải trả số tiền lãi tạm tính đến ngày 18/9/2020 là 10.316.250đ (mười triệu ba trăm mười sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng) như yêu cầu khởi kiện. Tiền lãi: anh yêu cầu bà B phải trả lãi khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu bà B chưa thanh

toán đủ số tiền nêu trên cho anh, lãi suất được tính theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, anh H giữ nguyên quan điểm về nội dung này.

Đối với việc nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi từ khi chuyển tiền đến ngày 18/9/2020 mà chỉ tính lãi khi bản án có hiệu lực pháp luật hoàn toàn phù hợp với trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền quy định tại Điều 357 BLDS, do đó Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí tương ứng với số tiền có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Hiệp.

Tiền án phí của bà Lưu Thị B tính trên số tiền 390.000.000đ x 5% = 19.500.000đ (mười chín triệu năm trăm nghìn đồng).

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 351, 357, 424, 425 và 427 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Văn H về việc “Tranh chấp về giao dịch mua bán tài sản”.

Buộc bà Lưu Thị B phải hoàn trả lại cho anh Đinh Văn H số tiền 390.000.000đ (ba trăm chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Lưu Thị B chậm trả cho anh Đinh Văn H số tiền nêu trên thì bà B còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về nghĩa vụ chịu án phí: Buộc bà Lưu Thị B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 19.500.000đ (mười chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn anh Đinh Văn H được trả lại tiền tạm ứng án phí, số tiền là 10.066.325đ (mười triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000474 ngày 15/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Đinh Văn H, bị đơn bà Lưu Thị B có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được Thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thoả thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND cùng cấp;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Móng Cái;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Dương Thị Thu Hà